

Bản án số: 379/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 4 - 2026

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lệ

Ông Huỳnh Vĩnh Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 -
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh
không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 -
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
1353/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10
tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh ngày 13/7/1987; (vắng mặt có
đơn xin vắng mặt)

Căn cước công dân: 080087***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 29/9/2022.

Địa chỉ: B B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Vũ Thảo U, sinh ngày 24/02/1991; (vắng mặt có đơn
xin vắng mặt)

Căn cước: 051191***** do Bộ C cấp ngày 12/12/2024

Địa chỉ: Số A, Ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ông T có ý kiến trình bày như sau:

Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Vũ Thảo U đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 215/2022 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/10/2022. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn như trước, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn ông T yêu cầu ly hôn với bà U.

Hai ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/5/2019. Sau khi ly hôn, nguyên đơn ông Nguyễn Trung T giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/5/2019 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Vũ Thảo U trình bày ý kiến như sau:

Ông Nguyễn Trung T và Bà Nguyễn Vũ Thảo U đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 215/2022 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/10/2022. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như mong muốn, quan điểm sống không phù hợp tình cảm vợ chồng không còn như trước, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên bà U đồng ý ly hôn với ông T

Về con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/5/2019. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Vũ Thảo U yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/5/2019. Bà U đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của ông T là cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, bà U yêu cầu cấp dưỡng vào ngày 15 tây hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện đang cư trú tại Số A, Ấp H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Vũ Thảo U tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215/2022 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/10/2022, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn, bà U đồng ý ly hôn với ông T. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Trung T ly hôn với bà Nguyễn Vũ Thảo U là có cơ sở.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/5/2019. Bà Nguyễn Vũ Thảo U yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và nguyên đơn ông Nguyễn Trung T cũng đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét cần giao trẻ Minh A cho bà Nguyễn Vũ Thảo U trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Trung T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, bị đơn bà Nguyễn Vũ Thảo U đồng ý với mức cấp dưỡng của nguyên đơn là 5.000.000 đồng/tháng và bà U yêu cầu ông T cấp dưỡng vào ngày 15 tây hàng tháng đến khi con chung Nguyễn Minh A đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét cần ghi nhận sự tự nguyện này buộc ông Nguyễn Trung T cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Minh A mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng/tháng.

Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Vũ Thảo U xác định không có, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện.

Xét về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Vũ Thảo U xác định không có nghĩa vụ dân sự chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung T là được ly hôn bà Nguyễn Vũ Thảo U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 215/2022 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/10/2022 cho ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Vũ Thảo U không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Vũ Thảo U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/5/2019. Ông Nguyễn Trung T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng vào ngày 15/5/2026 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người trực tiếp nuôi con chung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành cấp dưỡng hoặc thi hành cấp dưỡng không đầy đủ số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thi hành cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0035244 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông T phải nộp thêm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Châu Trinh